

Số: 01/2025/QĐST-LĐ

Thanh Hóa, ngày 05 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG
Về việc: Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THANH HÓA

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Cao Thị Nga.

Thư ký phiên họp: Bà Lê Kiều Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thanh Hóa

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thanh Hóa tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Văn Long - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thanh Hóa (cơ sở 2) mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động thụ lý số 02/2025/TLST-LĐ ngày 21 tháng 11 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp số 01/2025/QĐST-LĐ ngày 01 tháng 12 năm 2025; Gồm những người tham gia tố tụng sau:

1. *Người yêu cầu giải quyết việc lao động:* Bà Trịnh Thị D, sinh ngày 10/5/1978; CCCD: 038178015120

Địa chỉ: Thôn Mỹ Khê, xã Ba Đình, tỉnh Thanh Hóa

2. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

2.1. Công ty TNHH Một thành viên thủy lợi Bắc Sông Mã

Người đại diện: Ông Nguyễn Văn H - Chủ tịch Công ty

Địa chỉ: Thôn T, xã H, tỉnh Thanh Hóa

2.2. Bảo hiểm xã hội cơ sở Nga Sơn

Người đại diện: Ông Nguyễn Văn H1 – Chức vụ: Phó Giám đốc

Địa chỉ: Số B đường T, tiểu khu B, xã N, tỉnh Thanh Hóa

2.3. Bà Trịnh Thị T, sinh ngày 10/01/1980; CCCD: 038180026175

Địa chỉ: Thôn T, xã B, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

** Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết việc lao động bà Trịnh Thị D trình bày:*

Ngày 27/7/2004 bà có sử dụng chứng minh thư nhân dân của em gái là Trịnh Thị T, sinh ngày 10/01/1980 để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH Một thành viên T2 và được Công ty phân công công tác theo Quyết định số 83/BSM/TC ngày 01/8/2004, thời gian làm việc từ tháng 08/2004 đến ngày

07/11/2022. Trong thời gian làm việc cho Công ty TNHH Một thành viên T3 đã tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ ngày 01/8/2004 đến tháng 10/2022 tại Bảo hiểm xã hội huyện N cũ (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở N), toàn bộ quá trình làm việc thực tế và hợp đồng lao động bà ký với Công ty TNHH Một thành viên T2 và hồ sơ tham gia bảo hiểm xã hội của bà đều mang tên Trịnh Thị T (em gái bà).

Ngày 07/11/2022 Công ty TNHH Một thành viên T2 chấm dứt hợp đồng lao động số 715/QĐ-BSM đối với bà. Sau khi Công ty ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động bà tiếp tục đi học một thời gian đến tháng 05/2023 bà được Công ty cho ký hợp đồng lao động dưới tên bà là Trịnh Thị D và bà đã đóng tiền bảo hiểm xã hội tại Bảo hiểm xã hội cơ sở Nga Sơn đến tháng 08/2023, từ tháng 09/2023 đến nay bà đóng tiền bảo hiểm xã hội tại Bảo hiểm xã hội cơ sở Hoằng Hóa. Hiện nay bà vẫn đang làm công nhân vận hành tại Công ty TNHH MTV B.

Nhận thấy, việc bà sử dụng chứng minh thư nhân dân của em gái là Trịnh Thị T để ký hợp đồng lao động và tham gia đóng bảo hiểm xã hội là không đúng quy định của pháp luật, ảnh hưởng tới quyền lợi của bản thân cũng như quyền lợi của người khác. Do đó bà đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố hợp đồng lao động bà đã ký với Công ty TNHH Một thành viên T2 ngày 27/7/2004 là vô hiệu và đề nghị giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu là điều chỉnh thông tin nhân thân tại sổ bảo hiểm số 2706004655 từ tên Trịnh Thị T, sinh ngày 10/01/1980 thành tên Trịnh Thị D, sinh ngày 10/5/1978.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Công ty TNHH Một thành viên T2 trình bày:

Theo hồ sơ lưu trữ tại Công ty thể hiện: Ngày 27/7/2004 Công ty T2 (nay là Công ty TNHH Một thành viên T2) ký hợp đồng lao động với người có tên là Trịnh Thị T, sinh ngày 10/01/1980 ở địa chỉ xã B, huyện N (cũ) theo Quyết định phân công công tác số 83/BSM/TC ngày 01/8/2004, thời gian bắt đầu làm việc từ tháng 08/2004 đến ngày 07/11/2022 Công ty phát hiện người lao động đã ký hợp đồng với Công ty và trực tiếp làm việc với Công ty là bà Trịnh Thị D, sinh năm 1978 là chị gái bà Trịnh Thị T chứ không phải bà Trịnh Thị T nên Công ty đã ra Quyết định chấm dứt Hợp đồng lao động số 715/QĐ-BSM ngày 07/11/2022 chấm dứt hợp đồng lao động ký ngày 27/7/2004 với người lao động có tên Trịnh Thị T.

Sau khi Công ty ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với bà D, đến tháng 05/2023 Công ty ký hợp đồng lao động với bà Trịnh Thị D, do đó hiện nay bà Trịnh Thị D vẫn đang làm công nhân vận hành tại Công ty TNHH MTV B.

Công ty khẳng định trong thời gian làm việc cho Công ty TNHH Một thành viên T2 từ ngày 01/8/2004 đến ngày 06/11/2022 người ký hợp đồng và trực tiếp làm việc tại Công ty là bà Trịnh Thị D, không phải bà Trịnh Thị T. Quá trình làm việc tại Công ty bà Trịnh Thị D đã tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ ngày 01/8/2004 đến tháng 10/2022 tại Bảo hiểm xã hội huyện N cũ (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở Nga Sơn) hồ sơ tham gia bảo hiểm xã hội đều mang tên Trịnh Thị T.

Nay bà Trịnh Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố hợp đồng lao động đã ký với Công ty TNHH Một thành viên T2 ngày 27/7/2004 là vô hiệu, Công ty TNHH Một thành viên T2 đồng ý với yêu cầu của bà D nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết quyền lợi bảo hiểm cho bà Trịnh Thị D theo quy định của pháp luật.

- Bảo hiểm xã hội cơ sở N trình bày:

Bà Trịnh Thị D, mã số BHXH 3822607548 có thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 05/2023 đến tháng 08/2023 (4 tháng) làm Công nhân vận hành tại Công ty TNHH MTV B - C S. Tổng số tiền người sử dụng lao động và người lao động đóng BHXH, BHYT, BHTN là 4.950.404 đồng.

Bà Trịnh Thị T, mã số BHXH 2706004655: CMND: 173260475 có thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 08/2004 đến tháng 10/2022. Tổng số tiền người sử dụng lao động và người lao động đóng BHXH, BHYT, BHTN là 25.154.263 đồng.

Số BHXH số 2706004655 tên Trịnh Thị T, sinh ngày 10/01/1980, số CCCD:172080680/038180026175 tham gia BHXH từ tháng 01/2015 không có thời gian nào tham gia Công ty TNHH MTV B - C S. Chưa hưởng chế độ BHXH, BHTN.

Số BHXH số 2706004655 tên Trịnh Thị T, sinh ngày 10/01/1980, số CMND: 173260475 tham gia bảo hiểm xã hội liên tục từ tháng 08/2004 đến tháng 10/2022 tại Công ty TNHH MTV B - C S. Đã hưởng chế độ BHTN từ tháng 01/2023 đến tháng 12/2023 (hưởng 12 tháng trợ cấp BHTN) với tổng số tiền là 39.275.280 đồng.

- Bà Trịnh Thị T trình bày: Bà là em gái bà Trịnh Thị D, ngày 27/7/2004 bà có cho chị gái là Trịnh Thị D mượn chứng minh thư nhân dân của bà để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH Một thành viên T2 và được Công ty phân công công tác theo Quyết định số 83/BSM/TC ngày 01/8/2004, thời gian làm việc từ tháng 08/2004 đến ngày 07/11/2022. Trong thời gian làm việc cho Công ty TNHH Một thành viên T2, bà D đã tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ ngày 01/8/2004 đến tháng 10/2022 tại Bảo hiểm xã hội huyện N cũ (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở N) toàn bộ hợp đồng lao động bà D ký với Công ty TNHH Một thành viên T2 và hồ sơ tham gia bảo hiểm xã hội của bà D đều mang tên bà là Trịnh Thị T.

Ngày 07/11/2022 Công ty TNHH Một thành viên T2 chấm dứt hợp đồng lao động số 715/QĐ-BSM với bà Trịnh Thị D.

Toàn bộ quá trình làm việc thực tế tại Công ty TNHH Một thành viên T2 của bà D từ tháng 08/2004 đến ngày 07/11/2022 đều mang tên Trịnh Thị T, còn bản thân bà từ tháng 01/2015 đã làm việc tại doanh nghiệp tư nhân H2. Hiện nay bà đang làm công nhân cho Công ty TNHH S1 tại xã N, tỉnh Thanh Hóa.

Nay bà D đã có đầy đủ giấy tờ pháp lý hợp lệ để xác minh lại nhân thân của mình và có nguyện vọng được điều chỉnh lại toàn bộ thông tin trong hồ sơ bảo hiểm xã hội và hồ sơ nhân sự từ tên Trịnh Thị T về tên đúng là Trịnh Thị D và yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký với Công ty TNHH Một thành

viên T2 ngày 27/7/2004 là vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, bà hoàn toàn đồng ý .

**Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên họp:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, thư ký phiên họp trong quá trình giải quyết việc “*Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*” kể từ khi thụ lý cho đến khi mở phiên họp được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc lao động đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết: Đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thanh Hóa Căn cứ Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39, Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 117, Điều 127 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 15, Điều 39; Điều 50, Điều 51 Bộ luật Lao động 2019; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của bà Trịnh Thị D: Tuyên bố hợp đồng lao động ký ngày 27/7/2004 giữa Công ty T2 (nay là Công ty TNHH Một thành viên T2) và bà Trịnh Thị T (do bà Trịnh Thị D ký) là vô hiệu.

Giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Thời gian tham gia Bảo hiểm xã hội từ tháng 08/2004 đến tháng 10/2022 mang tên Trịnh Thị T (tại sổ BHXH số 2706004655) thực tế là của bà Trịnh Thị D. Giao cho Bảo hiểm xã hội cơ sở N thực hiện điều chỉnh thông tin nhân thân trên sổ BHXH và các hồ sơ liên quan từ tên Trịnh Thị T sang tên Trịnh Thị D theo đúng quy định tại Công văn số 1767/LĐTBXH-BHXH ngày 31/5/2022 của Bộ L.

Về lệ phí: Bà Trịnh Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí bà D đã nộp theo Biên lai thu số 0000386 ngày 20/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa (Bà D đã nộp đủ).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc lao động được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Người yêu cầu gửi đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người lao động ký Hợp đồng lao động với Công ty TNHH Một thành viên T2, địa chỉ thôn T, xã H, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thanh Hóa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Người yêu cầu bà Trịnh Thị D, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị T, Bảo hiểm xã hội cơ sở N và Công ty TNHH Một thành viên T2, đều có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên họp. Căn cứ Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2]. *Áp dụng pháp luật*: Do Hợp đồng lao động ký giữa Công ty TNHH Một thành viên T2 và bà Trịnh Thị T (do bà Trịnh Thị D ký) vào ngày 27/7/2004 nên áp dụng Bộ luật Lao động năm 1994 để giải quyết. Tuy nhiên Bộ luật Lao động năm 1994 không có điều luật quy định về hợp đồng lao động vô hiệu và hậu quả pháp lý của hợp đồng lao động vô hiệu, do đó cần áp dụng Bộ luật Lao động năm 2012 và Bộ luật Lao động năm 2019 để giải quyết.

[3] *Về nội dung yêu cầu của đương sự*:

* Xét yêu cầu của bà Trịnh Thị D đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký ngày 27/7/2004 giữa bà Trịnh Thị T (do bà Trịnh Thị D ký) với Công ty T2 (nay là Công ty TNHH Một thành viên T2) trong thời gian từ tháng 08/2004 đến ngày 07/11/2022 là vô hiệu thì thấy: Theo văn bản số 1767/LĐTĐ-BHXH ngày 31/5/2022 của Bộ L1 gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và B1 hướng dẫn về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động thì thấy: Việc bà Trịnh Thị D mượn giấy tờ (chứng minh thư nhân dân) của bà Trịnh Thị T để ký hợp đồng lao động với Công ty T2 (nay là Công ty TNHH Một thành viên T2) là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019 và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Bộ luật lao động năm 2019. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động năm 2019, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ, do đó yêu cầu của bà Trịnh Thị D là phù hợp pháp luật và cần được chấp nhận.

* Đối với yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu:

Căn cứ khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động 2019, Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ:

Xét thấy, có sự lừa dối khi ký hợp đồng lao động giữa bà Trịnh Thị D (hồ sơ mượn tên bà Trịnh Thị T) với Công ty TNHH Một thành viên T2 nhưng trên thực tế bà D có làm việc tại Công ty, có đóng bảo hiểm xã hội và quá trình làm việc Công ty có đóng bảo hiểm cho bà D (mang tên bà T), từ tháng 08/2004 đến tháng 10/2022 theo sổ bảo hiểm số: 2706004655. Do đó cần giao cho cơ quan chức năng có liên quan đến hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH Một thành viên T2 và bà Trịnh Thị T (do bà Trịnh Thị D là người tham gia giao kết) điều chỉnh tên Trịnh Thị T trên sổ Bảo hiểm xã hội số 2706004655 thành Trịnh Thị D. Bà Trịnh Thị D liên hệ với C1 cơ sở N để làm thủ tục điều chỉnh thông tin nhân thân từ Trịnh Thị T thành Trịnh Thị D.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39, Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 117, Điều 127 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 15, Điều 39; Điều 50, Điều 51 Bộ luật Lao động 2019; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trịnh Thị D: Tuyên bố hợp đồng lao động ký ngày 27/7/2004 giữa Công ty T2 (nay là Công ty TNHH Một thành viên T2) và bà Trịnh Thị T (do bà Trịnh Thị D ký) là vô hiệu.

2. Giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Thời gian tham gia Bảo hiểm xã hội từ tháng 08/2004 đến tháng 10/2022 mang tên Trịnh Thị T (tại sổ BHXH số 2706004655) thực tế là của bà Trịnh Thị D. Giao cho Bảo hiểm xã hội cơ sở N thực hiện điều chỉnh thông tin nhân thân trên sổ BHXH và các hồ sơ liên quan từ tên Trịnh Thị T sang tên Trịnh Thị D theo đúng quy định tại Công văn số 1767/LĐTBXH-BHXH ngày 31/5/2022 của Bộ L.

3. Về lệ phí: Bà Trịnh Thị D phải chịu 300.000 đồng tiền lệ phí giải quyết việc lao động sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí bà D đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000386 ngày 20 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa (Bà D đã nộp đủ).

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa có quyền kháng nghị Quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện Kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND khu vực 4 – Thanh Hóa- -
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ việc lao động.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Cao Thị Nga